

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 194/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 9 – 2020
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Quang

Ông Nguyễn Văn Giang.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị T, sinh năm: 1987

HKTT: Ấp T, xã TP, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp VK, xã VQ, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Đặng Hữu P, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Ấp T, xã TPhú, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Hồ Thị T trình bày: Năm 2004 chị Hồ Thị T và anh Đặng Hữu P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VQ, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, hôn nhân do vợ chồng anh chị cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do anh P không lo làm ăn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng anh chị đã ly thân từ

tháng 10 năm 2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu ly hôn được với anh P.

Về con chung: Chị T và anh P có 01 con chung tên Đặng Thị Bích N (giới tính: Nữ), sinh ngày 04/01/2015, hiện đang sống chung với anh P. Nay chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có, chị T và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Đặng Hữu P thống nhất lời trình bày của chị T về việc vợ chồng anh chị có đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn chính của vợ chồng anh chị chủ yếu là về vấn đề tiền bạc, chị T không rõ ràng nên vợ chồng mới thường xuyên cự cãi. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh P cũng đồng ý, con chung anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, Về tài sản chung có nhưng vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48, 198 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát Nền cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh P; Về con chung anh P được tiếp tục nuôi con chung tên Đặng Thị Bích N, anh P chưa yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét; Về tài sản chung có nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét; Về nợ chung không có. Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nền cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn theo quy định tại các Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị T và anh Đặng Hữu P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VQ, thị xã Ngã Năm vào ngày 26/5/2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, chị T cho rằng anh P không lo làm ăn, còn anh P cho rằng chị T không rõ ràng trong tiền bạc, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi và sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân kéo dài nhưng vợ chồng anh chị không thể hàn gắn được; Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và được anh P đồng ý. Vì vậy, căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hồ Thị T và anh Đặng Hữu P.

[3] Về con chung: Chị T và anh P có 01 người con chung tên Đặng Thị Bích N (giới tính: Nữ), sinh ngày 04/01/2005, hiện đang sống chung với anh P. Tại phiên tòa anh P và chị T cùng yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy chị T hiện tại đang làm công nhân tại Bình Dương, chị thường xuyên phải đi làm nên không có đủ điều kiện tốt nhất để chăm sóc cho cháu N. Đối với cháu N từ khi sinh ra và lớn lên đều sống chung với ông bà nội. Từ tháng 9/2019 cho đến nay sau khi chị T và anh P ly thân thì cháu N do anh P và ông bà nội trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào biên bản xác minh của Tòa án tại chính quyền địa P thì hiện nay anh P đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung và có đủ điều kiện để chăm sóc tốt cháu N, vì vậy để đảm bảo sự phát triển bình thường và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu nên tiếp tục cho anh P nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Có, chị T và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không phát sinh nên không xem xét.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Hồ Thị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hồ Thị T và anh Đặng Hữu P.

[2] Về con chung: Anh Đặng Hữu P được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đặng Thị Bích N (giới tính: Nữ), sinh ngày 04/01/2015. Anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và dạy dỗ con chung cho chị T không ai được quyền cản trở.

[3] Về tài sản chung: Có, chị T và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không phát sinh nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hồ Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp sang án phí theo lai thu số 0000533 phiếu lập ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[6] Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/9/2020).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THA dân sự thị xã Long Mỹ;
- UBND xã VQ ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đào Thị Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Hằng

Trịnh Thị Trúc Linh

Đào Thị Thủy